

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2022/HS-ST**

Ngày 20/12/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ Tòa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Nguyễn Hải Anh**

Nghề nghiệp: Giáo viên

Nơi công tác: Trường THCS Thị trấn Minh Lương

2/ Ông **Đình Chí Công**

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Xã đoàn Thạnh Lộc

*- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.*

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 67/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2022, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn T**, sinh năm 1996 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp S, xã Y, huyện B, tỉnh G; Trình độ văn hóa: 01/12; Nghề nghiệp: Ngu phú; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958 và bà Trần Thị M, sinh năm 1962; Vợ tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1997 và có 01 người con sinh năm 2022; Tiền sự: Không.

Tiền án có 01 tiền án: Vào ngày 07/01/2021 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xử phạt 10 tháng 11 ngày tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo được cho tại ngoại để điều tra (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Hoàng Quốc Việt**- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bị hại: Em **Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 05/12/2006.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1986 (Mẹ ruột của em Tường).

Trú tại: ấp M, xã Y, huyện B, tỉnh G.

(Em T1 và chị N vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Bà **Dương Thùy Liên**- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Hồng H**, sinh năm 1976

Trú tại: 476 Phạm H, phường L, thành phố G, tỉnh G (có đơn xin xét xử vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:* Vào khoảng 15 giờ, ngày 08 tháng 5 năm 2022, Nguyễn Văn T, sinh năm: 1996, nơi cư trú: Ấp S, xã Y, huyện B, tỉnh G đang ở phòng trọ của mình ở ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh G cùng với Quách Minh M (chưa xác định địa chỉ) thì có Võ Văn T1, sinh năm: 2006 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Winner, màu xanh – trắng – đen, biển số soát: 68B1-327.24 đến chơi. Tại đây, do không có tiền tiêu xài nên T đã nảy sinh ý định mượn xe mô tô Winner biển số soát: 68B1-327.24 của T1 đi cầm để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T hỏi mượn chiếc xe trên của T1 để đi mua đồ thì T1 đồng ý.

Sau khi mượn được xe, T điều khiển xe chở theo một người tên M ngồi sau đi từ nhà trọ của T đến đoạn Kinh 5 thuộc phường S, thành phố G, tỉnh G. Tại đây, T gọi điện thoại cho một người tên D (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để nhờ D lấy xe mô tô của T1 đi cầm dùm với giá 10.000.000 đồng thì D đồng ý. Sau đó, D mang xe mô tô biển kiểm soát: 68B1-327.24 đến cầm cho Lê Hồng H, sinh năm: 1976, nơi cư trú: 38/19 Nguyễn Hùng S, phường V, thành phố G, tỉnh G với số tiền 12.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, D quay lại đưa cho T số tiền 9.000.000 đồng. Số tiền trên T sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Sau đó, Nguyễn Văn T1 đến Cơ quan Công an trình báo sự việc trên.

Tại Cơ quan Công an, Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Sau khi biết được sự việc, ngày 29 tháng 6 năm 2022 ông Lê Hồng H đã tự nguyện giao nộp lại cho Công an xã H, huyện T 01 chiếc xe mô tô loại Winner, màu xanh – trắng – đen, biển kiểm soát: 68B1-327.24.

**\* Tại bản kết luận định giá tài sản số: 29 ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng thẩm định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang kết luận:** 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Winner, màu xanh – trắng – đen, số khung: 2606GY303654, số máy: KC26E1149806, biển số 68B1-327.24 mua tháng 01/2018 có giá là 29.281.000 đồng (hai mươi chín triệu, hai trăm tám mươi một ngàn đồng).

*Tình tiết tăng nặng:* Bị cáo có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, đến thời điểm phạm tội chưa được xóa án tích, vì vậy bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm.

*Tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

- *Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:* Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu là anh Võ Văn Tường 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Winner, màu xanh – trắng – đen, số khung: 2606GY303654, số máy: KC26E1149806, biển số 68B1-327.24.

*\* Về trách nhiệm dân sự:* Sau khi vụ án xảy ra bị hại là anh Võ Văn T1 đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì thêm nên xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hồng H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 12.000.000 đồng mà ông H cầm xe, bị cáo đồng ý bồi thường nhưng hiện tại chưa bồi thường.

Đối với ông Lê Hồng H đã có hành vi cầm cố xe do T phạm tội mà có. Quá trình điều tra đã chứng minh khi cầm cố xe, H không biết chiếc xe trên là do T chiếm đoạt của T1. Vì vậy, hành vi của H không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với hai đối tượng Quách Minh M và D, hiện tại Cơ quan điều tra vẫn chưa thể xác định được nhân thân, lai lịch. Sau khi xác định được sẽ tiến hành xử lý sau.

**Tại bản cáo trạng số: 72/CT- VKS-CT ngày 10/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”** theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Hồng H số tiền 12.000.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Ông **Hoàng Quốc Việt** – Luật sư trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T có ý kiến trình bày như sau: Về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội nên luật sư hoàn toàn thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, về phần hình phạt cũng mong HĐXX xem xét: Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, con còn nhỏ, thuộc diện hộ nghèo, có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 xử phạt bị cáo T bằng mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị cũng đã đủ thể hiện tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Còn về trách nhiệm dân sự do người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Đối với quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hồng H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 12.000.000 đồng mà ông H cầm xe, bị cáo đồng ý bồi thường nên đề nghị HĐXX ghi nhận xem xét.

Do bị cáo thuộc diện hộ nghèo và thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý nên đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Riêng bà **Dương Thùy Liên**- Luật sư trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang bảo vệ quyền lợi cho người bị hại có ý kiến trình bày như sau: Về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và tại phiên tòa đại diện VKS đề nghị HĐXX xử phạt đối với bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù là thỏa đáng và phù hợp nên Luật sư không tranh luận gì thêm và đề nghị HĐXX chấp nhận để xem xét.

Còn về trách nhiệm dân sự do người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Bị cáo không có ý kiến về quan điểm của luật sư bào chữa và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vì động cơ vụ lợi nên vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 5 năm 2022, lợi dụng việc Võ Văn T1 đến phòng trọ của mình ở ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh G để chơi nên Nguyễn Văn T đã nảy sinh ý định mượn xe mô tô Winner biển số 68B1-327.24 của T1 để cầm lấy tiền tiêu xài. Sau khi mượn được xe, T điều khiển đến khu vực thành phố G và gọi điện thoại cho một người tên D đi cầm xe giùm T được số tiền 9.000.000 đồng.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 174 bộ luật hình sự “*Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...*”. Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên thì hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như đã viện dẫn như trên.

Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi bị cáo là người đã trưởng thành nhận thức được hành vi gian dối để nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Thế nhưng với bản chất tham lam, lười lao động mặc dù đã 01 lần có tiền án vẫn chưa được xóa án tích bị cáo vẫn không biết ăn năn hối cải. Để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo cố ý nói dối để bị hại tin tưởng giao tài sản đưa cho bị cáo và sau khi chiếm được tài sản bị cáo liền đem xe đi nhờ D cầm dùm để lấy tiền tiêu xài cá nhân thì bị phát hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây bất ổn cho người dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Trong tình hình tội phạm như hiện nay, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng: Vào năm 2021 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh G xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” vẫn chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới nên trong lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo; Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, con còn nhỏ, thuộc diện hộ nghèo; có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, để xem xét hình phạt khi lượng hình có mức án phù hợp nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Xét đề nghị của ông Hoàng Quốc Việt - Luật sư bào chữa cho bị cáo là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét..

[7] Xét đề nghị của bà Dương Thùy Liên- Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho những người bị hại là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

8.1 Người bị hại anh Võ Văn T1 và người đại diện hợp pháp cho bị hại chị Nguyễn Thị N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên HĐXX không xem xét.

8.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hồng H yêu cầu bị cáo trả số tiền 12.000.000đ và bị cáo đồng ý bồi thường nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[9] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Không có nên không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả cho anh Lê Hồng H số tiền là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 12 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên bị cáo được miễn án phí theo quy định pháp luật.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại và người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, BH, NDDHPNBH và NLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa**

**Nguyễn Thanh Phong**